

ĐẠI CƯƠNG THI CA NAM BỘ

Để làm tròn nhiệm vụ lịch sử của giai đoạn thi ca cũng như tản văn ở miền Nam khoảng 1945-1950 đã bắt đầu cựa mình, lớn mạnh và hình thành một khuynh hướng rõ rệt: tranh đấu.

Khuynh hướng này mới mẻ đối với nền văn chương cận đại miền Bắc, nhưng đối với quá khứ văn nghệ miền Nam, thì thiết là quá cũ. Khuynh hướng tranh đấu đã bộc phát từ giữa thế kỷ XIX với những nhà thơ tiền phong miền Nam như Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Thân Hiến, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Thủ Khoa Huân...

Những nhà thơ miền Nam, giai đoạn 45-50, chỉ đi theo một con đường đã được cha anh vạch sẵn, cùng cố gắng hoàn thành một công trình lịch sử dở dang.

Nói tóm, thi ca tranh đấu miền Nam, có một sắc thái đặc biệt, không phải bộc phát một cách tự nhiên, không phải thừa hưởng di sản tinh thần của nền văn chương cổ điển mà Hà nội được coi như trung tâm sinh hoạt văn nghệ dân tộc mà là tiếp nối một truyền thống đối kháng kiên hùng đã khai mào tại miền Nam này từ giữa thế kỷ XIX.

Sinh hoạt thi ca giai đoạn ở đây khá ồn ào, ta có thể kể:

Trai Thời Loạn (Vũ Hữu Tiềm), Duyên Thơ (Nguyễn Phước Trạch), Hương Quê (Hồ Mộng Thiệp), Tin Tưởng Hận Tây Đô (Quốc Dân), Mây Xưa (My Lan Khanh) Ngọn Gió Nồm (Khắc Minh), Hồn Việt (Đặng Phương), Giòng Huyết Sứ (Tô Phong), Thơ Ý (Hồ Văn Hào), Tập Thơ Trẻ (Việt Nhi Phong), Xuân Thế Hệ (Xuân Huyền), Tiếng Địch Chiều Thu (Nhất Hạnh), Khối Sương (Liên Chớp), Hai Cuộc Sống (Hồ Đình Phương), Tây Thi (Hoàng Mai), Trên Đường (Ái Lan), Hận Ngày Xanh (Hoài Vân), Khúc Nhạc Thành (Hồ Thi), Tình Yêu Tổ Quốc (Văn Phiêu), Bó Hoa Xuân (Nhứt Tâm), Cô Gái Thành (Đồ Mơ), Chiêu Hồn (Ngao Châu), Chiến sĩ Hành (Vũ Anh Khanh), Thơ Mùa Giải Phóng - Tập Thơ Dân Tộc (nhiều Thi sĩ).

Văn gia, thi sĩ người đứng nhóm này, người đứng nhóm kia, chủ trương đường lối khác nhau. Do đó, nếp sinh hoạt này càng tăng thêm vẻ phồn thịnh⁶⁰ chứ không ẻo uột, mặc dầu khối lửa chiến tranh càng ngày càng ác liệt hơn.

Mặc dầu sống trong cùng một hoàn cảnh lịch sử, nhưng phản ứng của những nhà thơ nhiều khi tương phản một cách lạ lùng. Để giải thích hiện tượng này, ta có thể viện dẫn tới thành phần xã hội, hoàn cảnh cá nhân, điều kiện tâm lý. Đó là chỉ mới nói tới sinh hoạt thơ trong thành. Và chúng ta cũng chỉ điểm danh những nhà thơ không chịu ảnh hưởng trực tiếp của Hội Văn Nghệ Cứu Quốc. Thi phẩm của họ chỉ được phổ biến khi nào nhà cầm quyền thời đó cho phép. Chỉ trong những hoàn cảnh khó khăn và những điều kiện đặc biệt như vậy, ta mới có thể thấy được giá trị của ngòi bút, con người của nhà thơ. Qui lụy, lòn cúi hay kiêu hãnh, bất khuất đều hiện ra rõ ràng.

60 Nói riêng về thơ ở thành trong mấy năm nay, chúng ta không khỏi mừng thầm thấy vườn Nam Bộ đã nở nhiều hoa nhất. Trong lúc miền Bắc người ta đem in lại những cuốn thơ thời trước, ở Trung xuất bản những loạt đã quá mùa, thì ở Nam lần lượt cho ra đời một loạt trên mười tập - Người Thơ (Độc thơ Nam Việt - Xuân Dân Việt 1951)

Chúng tôi dựa trên tiếng thơ để chia họ làm hai nhóm:

1) Những nhà thơ đứng bên lề chuyển biến lịch sử, đứng bên ngoài cuộc kháng Pháp của quần chúng. Ta gọi đó là những nhà thơ ngoại cuộc.

2) Những nhà thơ dần thân, gián tiếp tham gia vào cuộc vận động dân tộc để cứu vãn đất nước. Ta gọi đó là những chiến sĩ văn hoá đích thực.

I. NHÀ THƠ, NGƯỜI NGOẠI CUỘC.

1) Dũng Dũng Với Thời Cuộc.

Những nhà thơ nằm trong nhóm này là những thi sĩ “thuần túy”. Ai làm gì thì làm, họ chỉ làm thơ. Họ không màng đến cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân thời đó, hay là họ cũng có nghe ai nói đến, mắt họ cũng thấy một vài thay đổi, xáo trộn xảy ra đâu đây, nhưng những điều đó không đủ cho họ xúc động, không tạo cho họ thi hứng. Làm thế nào mà làm thơ bây giờ? Họ rút vào vỏ ốc, cố thu mình cho nhỏ để tránh né và dùng miệng ốc làm ống loa để ca ngợi tình yêu, để nuôi tiếc dĩ vãng – nói tóm, là để trốn thực tại, để tránh phải biểu thị một thái độ dứt khoát.

Diễn hình nhất, ta có thể kể nhà thơ Hồ Văn Hảo, tác giả tập Thơ Ý xuất bản 1950.

Bài *Em Trích* trình bày một thứ tình cảm bệnh hoạn giữa một đứa trẻ 12 đối với một đứa trẻ 11, ca ngợi thiên đường tuổi nhỏ đã mất. Hình tượng mới mẻ, táo bạo nhưng dị hợm. Càng dị hợm hơn khi tác giả viết bài đó vào cái năm nhiều biến cố nhất: 45.

Giữa cảnh:

*Sông to và sóng to,
Thuyền khảm, chìm...*

mà thằng bé lại có dáng điệu và ngôn ngữ như vậy:

*Tôi ngồi thừ một góc,
Úp mặt vào tay khóc:
Trích ơi là Trích ơi!*

Hồ Văn Hảo bơ vơ, lạc loài trước triều sóng lịch sử vì còn đề cao tình cảm cá nhân, vị kỷ. Nhà thơ như sống ở những thế kỷ trước, còn ung dung ngồi phân tích tỉ mỉ từng trạng thái tâm hồn:

*Vài cô thiếu nữ hây đôi má,
Bờ ngõ nhìn lên chửa dám chào.*

((Tiên Thè))

2) Không Phân Định Đúng Mức Tầm Quan Trọng Của Công Cuộc Kháng Pháp.

Trước khi khai triển ý trên, tưởng cũng cần nhắc lại một ý đã được trình bày từ đầu: chúng ta chỉ đọc thi phẩm của những nhà thơ ở thành. Một số chưa phải là chiến sĩ. Họ không dự cuộc. Họ chỉ đứng ngoài. Mà cũng có thể là nạn nhân. Chuyện đó cũng thường xảy ra luôn luôn. Các chiến sĩ, theo như cách họ trình bày, na ná như Dũng trong Đoạn Tuyệt của Nhất Linh, nhiều khi còn tệ hơn. Theo họ, chiến sĩ giai đoạn đó là những người lãng mạn, nông nổi. Họ kháng chiến vì bị xua đẩy, vì không còn chỗ bám víu, nương dựa, hơn là ý thức vai trò của mình.

Không những công lao kháng Pháp bị phủ nhận, nhiều khi còn bị mạt sát bằng những lời lẽ thậm tệ:

*Chàng khờ vụng nên nặng lòng non nước
(Tiên Thè)*

Người trai lên đường, không phải vì cương quyết đánh đuổi quân thù, bảo vệ quê hương, không phải vì ý thức, giác ngộ, thức tỉnh, mà vì thất tình lãng mạn:

*Rồi chàng đi ôm nỗi buồn chan chứa
Mối thất tình dẫu dãi với phong sương
Hơn một lần chim lá ở bên đường
Đã im lặng nghe tim chàng thổ thức*

(Tiên Thê)

Người chiến sĩ được đồng hoá với nhà thơ, tình cảm chứa chan, dạt dào, tâm hồn như một dây tơ, dễ rung động. Như vậy là mất quân bình giữa lý trí và tình cảm, là thiếu quả cảm, thiếu chí phấn đấu, thiếu một bầu nhiệt huyết. Người chiến sĩ lên đường đeo đuổi một lý tưởng cao đẹp, có lúc hoài vọng, hồi tưởng, rồi so sánh, mằm chán nản trong những hoàn cảnh đó dễ phát sinh. Và khi hình ảnh người yêu lúc nào cũng ám ảnh thì đó ai bắt họ hy sinh cho được, vì lúc đó họ sống cho họ, cho tình cảm của họ, hơn là cho những cái gì xa hơn, lớn hơn, cao hơn.

Bài thơ “Bến Cũ” của Hồ Mộng Thiệp:

*Cây khô lá rụng tro vơ đứng
Bến lặng đò neo lặng lẽ chờ.
Tráng sĩ chiều nay dừng vó ngựa,
Đâu rồi cô gái mỹ miều xưa*

Hồ Mộng Thiệp (Hương Quê)

hoặc bài Quê Mẹ của Không Dương cũng đồng một ý, người nhớ người yêu, người nhớ mẹ già, và muốn trở lại:

*Chẳng tiếng ve kêu cũng nhớ nhà
Chân trời trái bụi những đường xa
Hỡi con chim nhỏ về phương ấy
Cho gọi lòng con đến mẹ già.*

.....
*Lòng con chiều muốn về quê mẹ,
Đón cánh cò bay gọi tí lời.*

Không Dương (Quê Mẹ)

Hay hình ảnh người vợ, người mẹ của Xuân Huyền:

*Máy vì sao rụng bao đông
Có người cô phụ mong chồng đếm sao*

.....
*Từ ngày mang kiếm lên đường
Mây xa xạm nắng, màu thương chan hoà.*

*Có ai nhìn ánh trăng ngà
Một đêm trời lạnh sương sa biên thùy*

*Có ai nghe tiếng từ qui
Năm canh nã nuốt người đi xa nhà*

Xuân Huyền (Biên thùy u ám – Xuân thế hệ 1949)

Kết quả cho ta thấy rằng nhận định trên đây lệch lạc, vì nếu tráng sĩ được trang bị bằng những tâm hồn ủy mị, yếu đuối như vậy làm thế nào chịu đựng được những nỗi vất

và gian lao của cuộc kháng chiến trường kỳ. Và nếu bỏ cuộc nửa đường làm sao đạt được thắng lợi cuối cùng.

Có lẽ nhiều thi sĩ sẽ biện hộ, đó là tính cách lãng mạn cách mạng, đó là tình người, người chiến sĩ cũng là người, họ có quyền để tình cảm mình rung động, để cho cuộc cách mạng đẹp hơn, ít mang màu sắc sắt máu. Không phải như vậy, họ có quyền yêu, có quyền nhớ, có quyền thương thức cái đẹp, có quyền để lòng mình rung động, nhưng những sự việc này phải bất thường chiếm một giai đoạn ngắn ngủi thôi và nhất là không làm nản chí họ được, không làm hại cho công cuộc chiến đấu. Đàng này họ đi quá, họ mê quá, chán nản và chỉ chực quay về. Đó là tư tưởng của người chưa dứt khoát trong cuộc hy sinh, chưa hoàn toàn hy sinh cho đại cuộc, chớ không phải là tình người được bộc lộ vì một sự rung động trước khung cảnh gọi tình.

Những tiếng thơ này có hại hơn là có ích cho công cuộc chung.

3) Bi Thảm Hoá Cuộc Chiến Bằng Những Hình Ảnh Thất Bại, Hoang Tàn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ bùng từ cuối năm 46. Rất nhiều hình ảnh được ghi lại. Nhưng nhiều thi sĩ ghi lại những hình ảnh không gọi được lòng căm thù, không làm cho chúng ta căm hờn bè lũ thực dân, trái lại làm cho chúng ta kinh sợ, oán ghét chiến tranh. Nhà thơ muốn viết những trang sử huy hoàng của dân tộc mà không chấp nhận bạo động, không muốn đổ máu, cho nên, tác dụng của những bài thơ trên chỉ có lợi cho chính quyền thực dân. Tâm lý người đời cho ta thấy ai cũng ham sống, sợ chết. Đáng lẽ phải đề cao một lý tưởng đề hô hào kêu gọi mọi người lên đường, nhiều tác giả đã đưa ra những cảnh tàn phá của chiến tranh, chỉ làm cho người thêm sợ, cuống quýt, rồi sanh ra chán nản trùm chần đợi thời. Làm như vậy tức là chấp nhận chế độ, muốn làm nô lệ, tay sai để cho người sai khiến, là mất nước, là diệt vong.

Thật ra, chúng ta cũng nhận thấy rằng, nhà thơ cũng muốn đánh thức tinh thần yêu nước bằng sự căm phẫn, thù hằn chính sách dã man, tàn ác, vô nhân đạo của thực dân, nhưng lối kết cấu, trình bày chỉ có thể gọi ra sự chán nản mà thôi. Nói theo ngôn ngữ thời thượng, những bài cấu kết như vậy, nhất là những câu cuối cùng, lại gọi ra những cảnh tóc tang có tính cách phản chiếu, có tác dụng khiến cho mọi người buồn sủng đầu hàng, mặc tình cho thực dân hoành hành thao túng:

Hỡi bao hồn chiến sĩ bơ vơ,

Nào những em tuổi ngây thơ,

Cuộc chơi vút bỏ...

Quên thương nhớ mẹ cha cách biệt

.....

Ra đi ngày về chẳng hẹn

.....

Các em đã chết, xác thân tan tành.

Bài thơ hay, gọi cảm, nhưng thất bại:

Đáy lạnh lẽo sông tuôn dòng bạc,

Bập bênh trôi những xác không đầu...

Ngao Châu (Chiêu Hồn)

Đồng ý chúng tôi đã quá khắt khe, nhưng phải như vậy, nhiều khi ý hướng tốt nhưng gây hậu quả xấu, người hành động với ý hướng tốt trên vẫn phải chịu trách nhiệm.

Những bài thơ có tác dụng phản lại như bài Chiêu Hồn không phải là hiếm. Vấn đề là tác dụng, chứ không phải ý hướng của thi sĩ. Với văn, ta còn có thể tha thứ vì văn người ta đọc bằng *lý trí*, tình cảm trong đó góp phần nhỏ, một vài hình ảnh bi đát dễ chìm trong phần trình bày tư tưởng khác của tác giả, trái lại với thơ người ta *cảm* khi đọc, cho nên một vài hình ảnh bi đát, hoang tàn, thất bại dễ làm cho người ta xúc động quá đáng mà sinh chán nản, chạy trốn, né tránh nhiệm vụ, nhất là những bài này không có một câu nào kết tội hoặc kiến giải của thi sĩ mà chỉ gồm toàn những hình ảnh đau thương.

4) Tuyên Truyền Tư Tưởng Đầu Hàng, Chủ Bại.

Bằng hình ảnh gia đình đoàn tụ với mẹ già, vợ yếu, con thơ thi sĩ cũng làm nhụt chí phấn đấu của thanh niên.

Nếu coi tình cảm như một thành trì, thì thành trì đó không kiên cố chút nào. Thành trì đó dễ vỡ nhất. Nhiều nhà thơ đã khai thác điểm này. Tác phẩm gọi cảm hơn, hấp dẫn hơn, ăn khách hơn, nhưng mà tác dụng, hậu quả cũng tai hại hơn. Tác phẩm không bị kiểm duyệt, được quảng bá rộng rãi, vô tình gieo vào tâm hồn người đọc tư tưởng đầu hàng. Gia đình, cha mẹ, vợ con là những thứ dây vô hình khó rút. Con người, trong một lúc, khó mà hoàn thành cả hai bổn phận nặng nề: quốc gia và gia đình. Phải có sự lựa chọn và suy tính. Với thời gian, với áp lực - bằng những hình ảnh thân yêu trước mắt - sự lựa chọn thường sai lầm, tệ hại. Thôi ở lại cho rồi. Hủ hỉ với mẹ già, vợ yếu, con thơ. Đổ thừa cho hoàn cảnh, trút trách nhiệm cho những thế hệ kế tiếp. Cuộc đời vốn ngắn ngủi quá mà. Hơn nữa mình cũng già rồi. Vợ con đùm đẽ, neho nhóc, đi làm sao nữa.

Hồ Văn Hảo kêu gọi về thành. Mà về thành, hồi cư là gián tiếp bỏ rơi lý tưởng, là đầu hàng. Ông gọi ra hình ảnh tổ ấm - khuyến khích, thúc giục những người ra đi, trở về.

Người chiến sĩ thấy mệt mỏi, uể oải, thấy con đường trước mặt dằng dặc, đầy dẫy phong sương, thấy mức đến còn xa vời, thấy đã đến lúc dừng lại:

Mười mấy năm rồi biệt cố hương,

Gian lao từ độ bước ra trường.

Nay về mang cả niềm ngao ngán,

Nặng gót chân dày bụi gió sương,

Hồ Văn Hảo (Về Quê Cũ)

Rồi nhớ mẹ hiền, rồi miệt mài với kỷ niệm:

Nhớ mẹ hiền tôi trải mấy hôm

Chiều con, ngồi tước sợi tơ thom

Bỏ trôi mấy buổi hàng buôn dạo,

Chỉ được cười trông lũ giặc chòm

Hồ Văn Hảo (Về Quê Cũ)

Chiến sĩ tách rời hàng ngũ, vì thấy mình đóng góp như vậy coi cũng được rồi. Như vậy, hành trình bấy lâu nay chỉ coi như một thứ thời trang, tránh lời trách móc, chê bai, nguyên rủa, không cần được tán thưởng, ghi ơn. Hành động ái quốc là hành động “thí cô hồn” “làm trả nợ quỷ thần”!

Cánh đã mới nhưng chưa tìm được bến,

Phân vân như giòng nước ngã ba sông...

Hồ Văn Hảo (Về Thành)

Nhà thơ nhóm này còn tuyên truyền tinh thần chủ bại. Họ không tin tưởng vào cuộc chiến đấu của dân tộc. Họ không nhận định đúng lịch sử. Cuộc kháng chiến chống Pháp mà họ lại quan niệm là cuộc chiến tương tàn. Họ giàu lòng nhân đạo, muốn chiến tranh chấm dứt. Rồi họ cầu Trời khẩn Phật. Những tư tưởng yếm thế đã vây hãm dân tộc chúng ta trong một ngàn năm, trong một trăm năm:

*Gió xuân hun mát tâm can,
Hoạ chẳng người diu máu hãng tương tàn*

.....

*Lạy cầu trời cứu cho dân chúng
Sớm hoà bình tiếng súng bật im*

Nhứt Tâm, Nguyễn Bá Thế (Trông Gió Hời Xuân)

*Người đi... ngày thánh đợi chờ
Mây sầu kéo mãi bao giờ mới thôi?*

Nhất Hạnh (Người Ra Đi – 1949)

*Mau dừng lại, ôi kia kìa vực thẳm,
Thuyền hoà bình cứu mau, mau kéo đấm
Một triệu lần người hời hét to lên.*

Hồ Thị (Nhân Loại SOS)

5) Tuyên Truyền Tư Tưởng Hường Thụ:

“Thời gian thấm thoát thoi đưa, tuổi thơ còn đâu nữa” Sống đi, hưởng thụ. rồi chết:
Hoa ái ân đâu nở được hai lần.

Hồ Văn Hảo (Tiên Thê)

Hồ Văn Hảo cũng lưu lạc đất khách quê người -- không biết có phải vì nghĩa vụ hay không? -- rồi cũng vọng tưởng quê nhà (*Cung đàn đất khách*). Còn thì giờ đâu, còn tâm hồn đâu, mà ngồi đó nghe đàn. Tôi nghĩ ông là một thứ lưu vong, đào nhiệm.

6) Đánh Lạc Hưởng Quần Chúng.

Vào đầu thế kỷ hai mươi, Phạm Quỳnh đã ca tụng Truyện Kiều để đánh lạc hướng đấu tranh của dân tộc. Các nhà nho thời đó đã kết án. Chúng ta bây giờ cũng kết án. Tới năm 45, mặc dầu Phạm Quỳnh bị ám sát, nhưng chưa ai phủ nhận sự đóng góp lớn lao của ông trong việc vun bồi văn hoá nước nhà. Những nhà thơ giai đoạn lại dẫm chân lên vết xe đổ. Nói gì cũng được. Nhưng đừng nói đến kháng chiến, đừng chống Pháp. Nhà thơ dùng tình cảm, dùng văn chương để bắt người đọc chú ý đến cái không đáng chú ý, để quên những cái đáng nhớ đời đời. Nhà thơ muốn đưa quần chúng vào một khúc quanh khác. Mà dù có đưa sang phải, sang trái, đưa lên, hạ xuống cũng là muốn chia rẽ lực lượng, hàng ngũ, mà trong gian đoạn này, đáng lẽ nên làm một cán bộ văn nghệ hướng dẫn quần chúng vào một con đường duy nhất, con đường chánh nghĩa.

Hồ Văn Hảo đã làm một việc thừa, một việc không hợp thời, khi đề cao nhà thơ Nguyễn Du. Thừa, vì nói gì thì nói, ai (ngay cả nhóm chống đối âm mưu của Phạm Quỳnh) cũng công nhận địa vị của Nguyễn Du trên văn đàn. Không hợp thời, vì còn nhiều vấn đề quan trọng hơn, cấp bách hơn là nói về thi tài của Nguyễn Du.

Ca tụng Nguyễn Du trong giai đoạn này là phù phiếm, là núm bánh xe tiến hoá, là thụt lùi, là thờ ơ trước những biên cố lịch sử trọng đại đang dồn dập diễn ra trên “Đất Nước Nhà”:

Người Việt hãy hô to lời ngạo nghệ,

Đê Nguyễn Du, thi sĩ của muôn đời.

Hồ Văn Hảo (Nguyễn Du)

Đê cao Nguyễn Du, không phải là đấu tranh trên mặt trận văn hoá, lại không đấu tranh trên mặt trận quân sự, thì chiến thắng, thành công chỉ là ảo tưởng.

Nói chung, nhóm nhà thơ ngoại cuộc, dù vô tình, cũng đã đi ngược lại quyền lợi tối thượng của dân tộc. Họ đã trình bày một người chiến sĩ hết cả khí phách, nghị lực, chỉ rình cơ hội để rời bỏ hàng ngũ. Họ đã gieo vào tâm hồn những người ở thành tư tưởng đầu hàng, chủ bại. Họ không tin tưởng vào cuộc đấu tranh của dân tộc. Họ làm cho những người còn ở lại, những người sửa soạn lên đường, những người sắp nhận trách nhiệm, phải xôn xao, hoang mang, “*phân vân*”. Họ phải chăng là những tay sai văn nghệ của chính quyền thực dân? Họ có tội với lịch sử, với dân tộc hay không? Họ đâu có tuyên truyền, đê cao kẻ thù. Họ là nhà thơ mà. Họ chỉ ca ngợi vẻ đẹp đời đời. Đừng bắt nhà thơ có tâm hồn nhạy cảm, phải rung động vì những cái bản chặt, tầm thường của cuộc đời. Họ thanh cao và lộng lẫy quá!

Nhưng mà, *họ có tội.*

II.- NHÀ THƠ, CHIẾN SĨ VĂN HÓA ĐÍCH THỰC

1) Tạo Căm Phẫn Trong Quân Chúng.

Những nhà thơ giai đoạn này tạo căm phẫn trong quân chúng bằng cách vạch trần tội ác thực dân. Họ mạnh dạn gạt bỏ hết mọi huyền thoại và gọi đích danh kẻ thù.

Người Pháp, thực dân Pháp đem tới cho họ những gì? Ruồng bỏ, bắn giết, đốt phá, bắt bớ, tra tấn, giam hãm, tù đày.

Ngọn lửa hồng gieo chi nổi oan khiên

Trong giây phút đã tiêu tan sự nghiệp.

Ái Lan (Chú Thơ Hồ)

Bài thơ nói rõ tính chất độc ác, sâu hiểm của thực dân nhất, trình bày đầy đủ bộ mặt của họ là bài “*Bản hành quân của Trương Phú*”, mượn hình ảnh xưa để nói về chuyện lúc tác phẩm được sáng tác:

Hãy san phẳng những đô thành bị triệt,

Phóng lửa hồng đốt hết những làng quanh.

Cho những vùng phiến loạn phải điêu linh,

Phải đổ nát tan tành trong lửa đỏ!

Bên đám cháy ngất trời kinh khủng đó,

Hãy đốt cho bào lạc đượm than hồng

Rồi hãy đem những thủ lĩnh Tiên Rồng

Buộc vào những trụ đồng phơi đỏ rực.

Hãy vát vào vạc dầu sôi sục.

Những tên dân vương ngạnh chẳng hàng đầu,

Những lão già ngu dại, bạc đầu râu,

Vào đất chết, dám buôn lời thống mạ.

Hãy bỏ lũ trẻ con vào cối giã,

Trói đàn bà cho hổ dữ phân thây.

Cho các người được chém giết ngon tay.

*Để tận diệt lũ ngang tàng kháng chiến.
Hãy đập đổ hết miếu môn cung điện,
Và quăng vào ngọn lửa rực trời xanh.
Tất cả bao nhiêu sách vở sử kinh,
Của giống Việt tự muôn đời trước tác.
Hãy hủy phá cho trời Nam tan nát,
Cho bao nhiêu dấu vết của thời xưa.
Phải tiêu tan trong khói lửa mịt mù,
Cho lạc mất tinh thần và lịch sử,
Của một giống uơn hèn và độc dữ,
Dám kháng cự lệnh Triều đình,
Chống binh Trời đem hạt giống văn minh
Đến khai hóa cho khỏi đời mọi rợ.
Quân ngu dại chẳng mang ân vũ lộ,
Lại vẫy vùng để mong đoạt tự do,
Thứ non sông nhỏ nhút chẳng ra trò
Mà cũng muốn hùng cường trong độc lập!
Ta nguyện diệt cái tinh thần cứng cáp
Chí quật cường của chủng tộc Rồng Tiên.
Ta quyết làm điều đứng kẻ gan liền,
Óc phiên loạn, ta thề nguyện phá tiết.
Dẫu nòi giống non sông người Lạc Việt
Có điều tàn tuyệt diệt cũng không sao...*

Đặng Phuong (Tập thơ Hồn Việt, 1950)

Mục đích của thực dân khi cho ấn hành những thi phẩm đáng kể trên là nhằm gieo rắc kinh hoàng khiến mọi người ngoan ngoãn phục tùng, không dám có thái độ chống đối công khai. Nếu không, chẳng những sự nghiệp, tiền của tiêu tan, mà chính mạng sống cũng khó bảo đảm.

Nhưng nhà thơ trình bày những cảnh đốt phá, bắn giết với một mục đích khác. Đó không phải là những lời đe dọa nhằm thị uy. Đó là những sự thật đầy nước mắt. Nhà cửa cháy rụi. Ruộng vườn tan hoang. Bao nhiêu người nằm xuống. Quân chúng đã là nạn nhân. Họ coi thực dân là kẻ thù. Họ căm hờn. Chỉ chờ cơ hội thuận tiện để lòng căm hờn bộc phát. Nhà thơ, khi trình bày những thảm cảnh đó, đã có công nuôi dưỡng căm hờn, như một động lực chính yếu thúc giục mọi người hăng hái lên đường chiến đấu. Mục đích để bảo vệ cho chính bản thân mình, cho những người thân yêu ruột thịt của mình, cho sự sản của mình - trước khi bảo vệ đất nước.

Lời thơ, sát với những thực cảnh đau lòng, đã có những tác dụng đặc biệt lợi hại. Nhất là thành phần mà nhà thơ quan tâm, cần giác ngộ nhiều nhất, vẫn là quần chúng, sống thực tế, chứ không ý thức sâu sắc như những giới trung lưu trí thức.

Quần chúng là những nạn nhân trước nhất, và họ cũng giác ngộ sớm nhất.

2) Đã Kích Bọn Tay Sai Thực Dân.

Nhà thơ coi họ là phường bán nước, là khỉ sơn đông:

Bầy khỉ leo cây,

Nay ở cây này.
Mai qua cây khác,
Thấy đã quen mắt,
Có gì lạ đâu,
Một bầy nhâu nhâu
Khỉ ơi là khỉ.
Mưa cũng mây nhĩ!
Nắng lại cũng mây.
Đâu có đổi thay,
Vẫn bầy khỉ cũ.
Cùng theo một chủ,
Hát xiệc kiếm tiền.
Quảng cáo huyền thiên.
Rằng toàn trò mới.
Khỉ tài khỉ giỏi.
Cô bác mại vô,
Một lũ khỉ khô,
Kiếm tiền nuôi chủ.
Chủ ăn chủ ngủ.
Xác mạp như vâm,
Khỉ vẫn óm nhom.
Đít khỉ đỏ lòm.
Mặt khỉ đỏ lòm,
Khỉ ôi! là khỉ!

Văn Phiêu (Hát Khỉ)

Là bù nhìn:

Bù nhìn xưa chỉ giữ dưa

.....

Bù nhìn nay lạ lùng ghê
Bánh bao đẹp để đi về xe hơi
Ngôi cao những chỗ tuyệt vời
Kẻ hầu đầy tớ nghìn người có dư
Danh vang bốn bể có thừa
Duy quyền không có xem hư một đời
Thật là một lũ đồ chơi.

(Vô danh – Bù Nhìn Tân Thời - Thần Chung – 1949)

3) Kêu Gọi Mọi Người Thức Tỉnh.

Công việc cứu quốc không phải là đặc quyền của riêng một cá nhân nào. Toàn dân phải hăng hái tham gia. Bất luận già trẻ bé lớn. Vai trò của người đàn bà cũng đặc biệt chú ý. Nhất là những chị em son phấn ở thành. Trong cơn khói lửa, họ không có quyền thản nhiên đùa cợt truy hoan. Loạn lạc là cơ hội tốt nhất cho người truy lạc thức tỉnh. Và trong hàng ngũ những người yêu nước nhiệt thành, ta thấy thấp thoáng bóng dáng đàn bà.

Người đàn bà biết làm đẹp bản thân, làm đẹp cho người khác, cho cuộc đời, nhưng chưa góp phần cứu quốc.

Nhà thơ có nhiều cách kéo họ về với thực tại. Hoặc nói hơn nói thiệt, nói phải nói trái.

Mia mai, cho họ thâm thía nhục nhã, cho hồi hận dày vò, hy vọng họ sớm trở về, phục vụ giống nòi, không bán rẻ dân tộc:

*Nuôi người khôn lớn kịp đời,
Để người bán rẻ giống nòi người đi.*

Văn Phiêu (Công Ai - Việt Báo, số 10, 1949)

..... ..
*Em là cô gái tân thời,
Móng chun, mái tóc, rạch người văn minh.
Mấy anh quê kịch hiền lành,
Bảo em là cái quái hình lối lãng;
Mấy anh hủ bại quở rằng:
Em là “búp bê” lai căng mắt nòi,
Mấy anh nghệ sĩ khen dôi:
Em là bức tượng tô bồi tình anh.
Mia mai, bài bác, tán thành,
Miệng lằng, lưỡi mối phê bình mặc ai.
Trên đường hành lạc khoan thai
Em say thú mới miệt mài truy hoan.
Nhớ chi tục nước lệ làng?
Chơi cho đào úa, liễu tàn mới thôi.*

Đồ Mơ (Em là...Sao Mai 1948)

Và Vũ Anh Khanh, trong Phấn Sơn cũng kêu gọi người phụ nữ trở về hoà đồng với công việc của dân tộc:

*Mắt vương tóc vuốt người con gái
Khép nép hài trinh, lối cổ mòn.
Ngại ngần muốn bảo vào tai nhỏ:
- Ai điểm trang mà em phấn son?
Trâm vàng lông không trêu tình bướm.
- Áo trắng an ninh giữa lũy đồn
Đành quên những kẻ ngoài sương gió?
Kiếm vạch tìm sâu dệt chữ “Hòn”*

Hoàng Tố Nguyên (Xuân Về Say Ý Nhạc) cũng cùng tư tưởng đó.

*Gái trai cười phấn lụa
Cao khúc hát ân tình
Hay men Tần đã bén
Mà Say khúc Hậu Đình?
Mà quên thề cố biệt
Mà nguôi hận bất bình.*

Nhà thơ Anh Huy chỉ trích những người xa hoa trụy lạc, ăn chơi phè phỡn, không
ngó ngàng, đếm xỉa tới hoàn cảnh cơ cực của những người đồng thời:

*Ai son phấn để hững hờ,
Ai xe ngựa để lu mờ khí thiêng.*

Anh Huy.

Với cái nhìn khách quan, chắc mọi người ai cũng thấy như Bân Bân nữ sĩ:

*Đất nước từ khi dậy lửa binh,
Hôi tanh vẫn đục bụi kinh thành,
Thơm tho đâu nữa làn son phấn.*

Bân Bân nữ sĩ.

Trong hoàn cảnh đất nước lầm than, người nào chỉ mưu tìm những thú vui vật chất
thấp hèn lo thoả mãn những đòi hỏi của dục vọng, là người thờ ơ, ích kỷ, đắc tội với lịch
sử.

Hàng ngũ dân tộc lúc nào cũng rộng mở chờ đón mọi thành phần trở về. Không kể
quá khứ tội lỗi nếu biết ăn năn. Nhất là những người sống phè phỡn trong lúc mọi người
khác đang gian khổ chiến đấu.

*Tôi cũng biết giờ đây,
Giữa mâm cao cỗ đầy,
Trên giường êm, nệm ấm,
Có những lòng đang say.*

*Họ không biết mưa rơi,
Trong gió thổi toai bời.
Họ không buồn nhớ đến,
Những kẻ sống chơi vơi.*

Huyền Tiên (Nhớ...Thương)

*Ôi, những linh hồn rơi tổ quốc
Thương thay, mình cũng lạc bơ vơ.
Hòn trai ai nữ cầm, buông giá,
Dem bán mào râu lấy sống thừa.*

Không Dương (Tâm Sự)

*Ấy thế, có người đang vui say đắm,
Ngả nghiêng bên chén rượu suốt canh tàn.
Cợt cười duyên qua những nét truy hoan
Màn hi lặc lộn trời không bụi cát.*

Liên Chớp (Ai Vui Đó)

Nhiều người đã trở về. Và đây là cảnh trở về tập thể cao đẹp, cảm động, không phải
vì tội lỗi trước mà vứt bỏ quan niệm sống trước đây:

*Quy cạnh chúa, một chiều xưa lửa dậy,
Quy cạnh chúa, đám chiêm lành run rẩy.*

.....

*Chúng con xin về cõi tục để làm dân.
Rồi...cởi bỏ áo tu,
Rồi. xếp kinh cầu nguyện*

Rồi nhẹ bước trở về trần.
(Vũ Anh Khanh, Tha La)

4) Đề Cao Những Nhân Vật Lịch Sử.

Nhà thơ tạo niềm tin trong quần chúng bằng cách đề cao những nhân vật lịch sử đã có công cứu quốc kiến quốc.

Dân tộc Việt Nam có những trang sử vẻ vang. Chúng ta nhất định phải thoát khỏi xiềng xích đô hộ của Tàu. Chúng ta nhất định phải thoát khỏi gông cùm nô lệ của Pháp. Chúng ta lấy lịch sử làm nền tảng vững tiền, đánh đuổi kẻ thù giành lại độc lập:

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Những người hào kiệt chống xâm lăng!
Những người coi chết như cơm bữa.
Mà dựng trong tim sóng Bạch Đằng.*

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Những trò quân chủ của quân Minh
Muốn đem nước Việt làm nô quốc
Vì thế nên mình mới chiến tranh.*

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Có người thực nữ bóp tim gan,
Thù chồng nợ nước hoà chung hận
Nổi đánh quân Tô, phá bạo tàn!*

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Áo nâu mà dựng nổi giang sơn
Viết vào trang sử giòng anh dũng
Quyết đập cho tan vạn tử hờn.*

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Một người địch nổi với muôn quân
Nước còn khi chữa đầu rơi được
Thiên hạ ngày nay nói vị thần!*

*Có phải từ xưa? Từng đã thấy:
Luôn luôn quật khởi chống tham lam
Cho nên mới vững nền oanh liệt!
Cho đến bây giờ vẫn Việt Nam!*

*Thế nghĩa là xưa, người Việt đã
Anh hùng như chẳng có bao giờ
Ngồi im mà chịu cùm gông, xích*

Lấy máu xương xây đắp Địa đò.

Trúc Khanh (Có Phải Từ Xưa)

Hay một đoạn của Hồ Đình Phương, gọi cảm biết bao và nói nhiều biết bao:

Ai quên trắng giải chinh trường

Quang Trung khử địch cờ giương lợp trời?

Ai quên trắng thép sông ngòi

Bạch Đằng Quốc Tuấn chưa phai sóng hùng?

Hồ Đình Phương (Say Trắng)

Trong Chiến Sĩ Hành, Vũ Anh Khanh cũng tạo niềm tin mãnh liệt bằng ý đó:

Lật sử cũ ngày xưa xem lại,

Gương người xưa triều đại Đinh, Trần

Bao phen chống giặc oai hùng,

Cờ lau Bộ Lĩnh, Bạch Đằng Đạo Vương.

Mùng năm Tết, Quang Trung Nguyễn Huệ

Múa gươm thiêng một trận Đống Đa

Quân nhà Thanh hoá ra ma

Hơn hai mươi vạn Hồng Hà bỏ thầy!...

Vũ Anh Khanh (Chiến Sĩ Hành)

5) Dựng Mẫu Thanh Niên Lý Tưởng, Sáng Suốt Ý Thức Trách Nhiệm, Giàu Tinh Thần Hy Sinh, Gạt Bỏ Tình Riêng.

Trước hết, ta cần minh định danh từ. Ở đây, người thanh niên lý tưởng giai đoạn chớ không phải là thần tượng của nữ giới. Thần tượng gồm những giá trị chung phù hợp với mọi thời đại. Người thanh niên lý tưởng giai đoạn phải có những đặc điểm phù hợp với sự đòi hỏi của từng thời kỳ. Những đặc tính chung có thể không cần. Và nếu dùng quá khắt khe, thì người lý tưởng giai đoạn, có thể là thần tượng một thời. Mẫu người nho sĩ tài hoa như Kim Trọng, Vân Tiên chỉ là thần tượng một thời. Xã hội biến chuyển, thần tượng cũng vậy.

Người thanh niên lý tưởng giai đoạn này cần trang bị bằng tinh thần, tâm hồn. Bề ngoài chỉ là phần phụ thuộc. Có, tốt; không có, cũng không sao. Ta thử coi nhà thơ phác họa người thanh niên lý tưởng giai đoạn như thế nào :

a) Cần phải thức tỉnh, giác ngộ (đã dẫn chứng phần trên).

Phải vùng dậy, nhứt quyết không đầu hàng bạo lực:

Quyết không chịu sống tôi đòi,

Không vì danh lợi làm tôi cường quyền.

Văn Phiêu (Ước Gì - Việt Báo số 10, 1940).

b) Tuy gian nan, nhọc nhằn nhưng vẫn bảo vệ lý tưởng đến kỳ cùng. Sự thiếu thốn về vật chất bảo đảm sự cao đẹp của lý tưởng, mà con người đeo đuổi thực hiện:

*Người đi đội cả trời điêu đứng,
Vác cả sơn hà lội suối khe.
Có hôm chiếc quán lưng đeo dựng
Đã đưa người qua bát nước chè.*

.....

*Đã hẹn sóng ngang tàng trên mặt đất,
Chí tự cường quyết thắng nổi gian lao,
Cánh chim bằng khi đã vút trời cao
Dù ngược gió không hề thay đổi hướng.*
Chim Xanh (Lời Chiến Sĩ, Thơ Mùa Giải Phóng)

*Người đi, dãi nắng mưa rong ruổi,
Đầy cam gió bụi, xá lao lung.*

.....

*Người đi gươm sáng thom tình bạn:
Sớm bẻ, trưa nguồn, truôm cát quen.
Mồ hôi nắng hạ, mưa đông rét.
Năm tháng gian nan chí vẫn bền*
Minh Huy (Gian Nan Quyết Tử Ca, Việt Báo, số 10, 1949)

*Lần tiễn đưa năm ấy một lần thôi,
Là chiến sĩ một đi không trở lại.*
Phạm Từ Quyên (Dòng Lệ Cuối)

*Hiên ngang kiếm đẫm máu đào
Ánh nguyên không hổ chí hào biên quan*
Hồ Đình Phương (Say Trăng)

c) Không Ích Kỷ, Thờ Ơ Trước Sự Vùng Dậy Mãnh Liệt Của Dân Tộc:
*Sao ích kỷ, không nghe lời thúc giục,
Lại lăn tròn theo sát bả hư vinh.*

.....

Người chung sống sao thờ ơ thế cuộc?
Liên Chớp (Ai Vui Đó)

d) Theo Tiếng Gọi Non Sông Lên Đường:
*sao cho xứng làm trai? Em hỡi
Lắng tai nghe tiếng gọi non sông.
Chớ đừng hờ hững như không
Mà trơ như đá, như đồng em ơi!*
Nghiêm Lang (Chị Khuyên Em)

Tiêu biểu nhất cho ý hướng này là bài “Qua Sa Mạc” của Việt Quang, cố gắng, không sờn lòng, quyết tiến lên để đem nước nhà đến một chân trời mới:

*Gió đã loạn, rú lên lời quát tháo,
Đoàn lữ hành lặng tiến dưới trời xa.
Mặc cát lốc, cuồn bay như vũ bão,
Mím chặt môi, ghì lấy bước lạc đà.*

*Dầu rất mặt, dầu đau dân thể xác,
Dầu bốn phương sức nắng đổ hào quang.
Lạc đà qui gục đầu, chơn ngấp cát?
Đoàn người đi, cương quyết vẫn không hàng!*

*Tiến! Quyết tiến! Đằng kia Kim tự tháp
Vòi vọi cao, vạn cổ nét kiên hùng:
Khối kiên nhẫn với muôn đời bão táp
Vẫn không sờn tâm chí vượt lao lung.*

*Tiến lên nữa, kìa chân trời xa thăm
Bóng thanh sư vạn kiếp có mòn đầu.
Đang giương mắt độ sức người can đảm,
Đạp đê hèn, hăng hái tiến lên mau!*

*Cứ thẳng bước kiên gan rồi sẽ thắng,
Đừng thối lui, nhục nhã giống nòi ta.
Cứ tin tưởng vào ngày mai sáng lạn
Vạn anh hùng dân tộc đã xông pha.*

*Ở phía trước là chân trời mới lạ,
Và bên kia là vũ trụ huy hoàng.
Phải kiên nhẫn qua vùng sa mạc đã,
Khi đến rồi, muôn thuở rạng Vinh Quang.*

Việt Quang (Qua Sa Mạc)
(*Thi Văn Hiện Đại* 1949)

6) Vạch Cho Họ Một Hướng Đi:

a) Vai trò thích hợp nhất cho nữ giới (trong giai đoạn đó) là nữ cứu thương, để họ đem sự dịu dàng ra săn sóc, an ủi thương binh:

*Có những bàn tay đẹp dịu dàng
Bàn tay không vướng nét kiêu sang
Cũng không tô chuốt màu hồng hạnh,
Mà vẫn hồng tươi, vẫn nhẹ nhàng.
Bao nỗi niềm riêng đành phui bỏ
Những bàn tay ấy quyết đeo mang*

*Đem bao êm dịu cho đau đớn
Hàn vá lành cho những vết thương.*
(Mộng Tuyết Chữ thập hồng)

b) Thanh niên lên đường, bảo vệ xứ sở, tranh thủ độc lập, đem no ấm về cho dân tộc.

*Vạch đi anh cho rõ một con đường,
Chúng ta quyết đi về phương hướng mới.*

.....
*Xuống đi anh đây đó một con đò.
Leo lên chừ, đồi cao và núi thấp;
Sống là thế chỉ đôi lần chật vật,
Khinh gian lao mà đạt tới vinh quang.*
Anh Huy (Con Đường Mới)

*Đang râm rập tiến trên đường xương máu,
Đang dõng theo nhau, có một đường.*
Phạm Từ Quyên (Dòng Lệ Cuối)

*Vẫn tranh đấu dưới bóng cờ,
Quyết đem hạnh phúc về cho giống nòi.*
Văn Phiêu (Ước Gì)
Việt báo, 10, 1949

*Khắp trời Nam chói rạng ánh vinh quang
.....
Cờ Tổ quốc sẽ hiên ngang pháp phới.*
Văn Phiêu (Gửi Người Xa Vắng)
Việt báo, số 10, 1949)

*Quyết thẳng tiến trên con đường tranh đấu
Lấy nghị lực tinh thần và xương máu,
Đem giống nòi mau đến chốn vinh quang.
Cho non sông được rục rỡ huy hoàng.*
Văn Phiêu (Tôi Đã Khóc)
Tình yêu Tổ Quốc, 1949

Người chiến sĩ lên đường chiến đấu, chấp nhận gian khổ, phấn khởi với những chiến công đạt được và tin tưởng ngày về thắng lợi hoàn toàn (đọc bài “Gửi em ở nội thành” của Hoàng Tuấn).

Nhìn chung, ta thấy không có những nhà thơ lớn tiêu biểu cho giai đoạn. Người chỉ ra một cuốn, hai cuốn. Người chỉ khiêm nhường vài bài.

Ta có thể tìm vài lý do giải thích:

- Hoàn cảnh chính trị thời đó không cho phép hình thành một nhà thơ lớn nào hết. Vì nhà cầm quyền sợ uy tín của họ ảnh hưởng tới đa số quần chúng độc giả.

- Nhà văn vừa viết truyện vừa làm thơ. Những nỗ lực của họ thường dành hết cho tiểu thuyết, truyện ngắn, vì loại này dễ đi vào lòng người lúc đó bằng sự mô tả tởm, bằng giải thích, lý luận. Thơ không đủ điều kiện này, thơ dành phần quan trọng trong việc rung cảm mà thôi.

- Thơ dễ phổ biến nhưng khó hay, những bài thơ hay lúc này phần nhiều xuất hiện ở Bắc vì người thơ ở đây đã có một quá trình về sáng tác, họ chỉ cần đổi cảm hứng đề tài thì dễ có thơ hay, ở Nam, nhà thơ thường là người mới.

Tổng quan, thơ cũng như văn, nói lên tiếng nói dân tộc trong giai đoạn, nhưng những thứ đã bị văn khai triển hết rồi do đó ta khó tìm được những nhà thơ đặc sắc, một vài xuất sắc chưa đủ để tiêu biểu cho một giai đoạn. Tuy nhiên nhìn về mặt tác dụng, những bài của các nhà thơ - chiến sĩ văn hoá đích thực – cũng có công với tổ quốc một phần lớn.....